



Shinhan  
Securities

# MORNING CALL

08/12/2025

## “Xanh vỏ đỏ lòng”

**Tâm lý được hỗ trợ nhờ số liệu lạm phát PCE tháng 9 yếu.** Hợp đồng tương lai chứng khoán Mỹ giữ ổn định vào thứ Hai khi các nhà đầu tư chờ cuộc họp chính sách của Cục Dự trữ Liên bang trong tuần này. Thị trường đang định giá khoảng 88% khả năng giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vào thứ Tư, tăng từ khoảng 67% một tháng trước. Kết quả kinh doanh cũng sẽ là tâm điểm, với báo cáo từ AutoZone, Oracle, Adobe, Broadcom, Costco và Lululemon, cùng các doanh nghiệp khác. Tuần trước, các chỉ số chính ghi nhận tuần tăng thứ hai liên tiếp, với Dow tăng 0.5%, trong khi S&P 500 và Nasdaq Composite lần lượt tăng 0.31% và 0.91%. Tâm lý được hỗ trợ nhờ số liệu lạm phát PCE tháng 9 yếu, cho thấy tác động lên chi phí cốt lõi khá hạn chế. Dữ liệu quan trọng tuần này gồm báo cáo JOLTS tháng 10 (bị trì hoãn) vào thứ Ba, cung cấp cập nhật về xu hướng tuyển dụng, sa thải và tỷ lệ nghỉ việc.

**Test cận trên của biên sideways 1,600 – 1,700 điểm.** VNINDEX đóng cửa ở mức 1,741.32 (+4.08 điểm, +0.23%) với thanh khoản đi ngang trung bình 20 phiên gần nhất. Thị trường có 101 mã tăng và 211 mã giảm. Nhóm cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào đà tăng của chỉ số là VIC, VHM và VPL; nhóm cổ phiếu cản trở thị trường là TCB, LPB và MBB. Khối ngoại bán ròng với giá trị 605 tỷ đồng.

**Chiến lược giao dịch:** Nhà đầu tư theo trường phái trading có thể quan sát phản ứng thị trường quanh vùng 1,650 – 1,700, nếu những phiên điều chỉnh không làm chỉ số rút khỏi kênh sideways thì đây có thể là cơ hội tốt để nhà đầu tư theo trường phái này giải ngân trở lại. Nhà đầu tư theo trường phái đầu tư trung và dài hạn có thể bắt đầu giải ngân từng phần tại các nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt và chiết khấu đủ hấp dẫn như nhóm ngành ngân hàng, tài chính, vật liệu xây dựng...

**Khuyến nghị mua mới: PET**

Nguyễn Phương ☎ (84-28) 6299 8004  
✉ [Phuong.nd@shinhan.com](mailto:Phuong.nd@shinhan.com)

Hoàng Nam ☎ (84-28) 6299 7603  
✉ [nam.h@shinhan.com](mailto:nam.h@shinhan.com)

Theo dõi Zalo của SSV để  
cập nhật báo cáo mới nhất



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

## Tâm lý được hỗ trợ nhờ số liệu lạm phát PCE tháng 9 yếu

- Hợp đồng tương lai chứng khoán Mỹ giữ ổn định vào thứ Hai khi các nhà đầu tư chờ cuộc họp chính sách của Cục Dự trữ Liên bang trong tuần này. Thị trường đang định giá khoảng 88% khả năng giảm lãi suất 25 điểm cơ bản vào thứ Tư, tăng từ khoảng 67% một tháng trước. Kết quả kinh doanh cũng sẽ là tâm điểm, với báo cáo từ AutoZone, Oracle, Adobe, Broadcom, Costco và Lululemon, cùng các doanh nghiệp khác. Tuần trước, các chỉ số chính ghi nhận tuần tăng thứ hai liên tiếp, với Dow tăng 0.5%, trong khi S&P 500 và Nasdaq Composite lần lượt tăng 0.31% và 0.91%. Tâm lý được hỗ trợ nhờ số liệu lạm phát PCE tháng 9 yếu, cho thấy tác động lên chi phí cốt lõi khá hạn chế. Dữ liệu quan trọng tuần này gồm báo cáo JOLTS tháng 10 (bị trì hoãn) vào thứ Ba, cung cấp cập nhật về xu hướng tuyển dụng, sa thải và tỷ lệ nghỉ việc.
- Cổ phiếu châu Âu nhích lên, ghi nhận tuần tăng thứ hai liên tiếp, khi thị trường tiếp tục đánh giá triển vọng lãi suất cho năm tới, mức sinh lời từ chi tiêu vốn cho AI đang tăng mạnh, và khả năng đạt được lệnh ngừng bắn giữa Nga và Ukraine.
- Chỉ số Nikkei 225 giảm 0.1% xuống khoảng 50,400 trong khi chỉ số Topix tăng 0.25% lên 3,370 vào thứ Hai, với cổ phiếu Nhật Bản biến động trái chiều do tâm lý thận trọng chi phối.
- Hợp đồng tương lai dầu thô WTI giao dịch quanh mức \$60.1/thùng vào thứ Hai, gần mức cao nhất trong hơn hai tuần trong bối cảnh rủi ro địa chính trị tiếp tục đe dọa nguồn cung toàn cầu.

| Chỉ số chứng khoán |              |        |        |        |
|--------------------|--------------|--------|--------|--------|
|                    | Giá đóng cửa | %1D    | %1M    | %1Y    |
| VN-Index           | 1,741        | 0.23%  | 8.89%  | 37.10% |
| S&P 500 Index      | 6,870        | 0.19%  | 2.10%  | 12.81% |
| Dow Jones Index    | 47,955       | 0.22%  | 2.06%  | 7.42%  |
| GP 100             | 9,667        | -0.45% | -0.16% | 16.35% |
| Nikkei 225         | 50,333       | -0.31% | 0.11%  | 28.76% |
| SHCOMP Index       | 3,909        | 0.16%  | -2.21% | 14.84% |
| STOXX 600          | 579          | -0.01% | 2.48%  | 11.20% |
| KOSPI Index        | 4,104        | 0.10%  | 3.80%  | 69.02% |
| Hang Seng          | 26,068       | -0.07% | -0.66% | 31.22% |

| Hàng hóa    |              |        |        |         |
|-------------|--------------|--------|--------|---------|
|             | Giá đóng cửa | %1D    | %1M    | %1Y     |
| Brent       | 64           | -0.14% | 0.05%  | -10.49% |
| WTI         | 60           | -0.12% | 0.44%  | -10.70% |
| Gasoline    | 184          | 0.09%  | -5.39% | -3.70%  |
| Natural gas | 5            | -3.20% | 18.66% | 66.45%  |
| Coal        | 110          | 1.61%  | 0.27%  | -17.26% |
| Gold        | 4,208        | 0.23%  | 2.23%  | 58.16%  |
| China HRC   | 3,308        | -0.09% | 0.36%  | -6.92%  |
| Steel rebar | 3,020        | -1.50% | 3.92%  | -7.81%  |
| BDI index   | 2,727        | -3.09% | 29.61% | 133.68% |

| Tiền tệ      |              |        |        |        |
|--------------|--------------|--------|--------|--------|
|              | Giá đóng cửa | %1D    | %1M    | %1Y    |
| Dollar Index | 99           | -0.08% | -0.69% | -6.73% |
| USD/VND      | 26,364       | 0.00%  | -0.24% | -3.76% |
| EUR/USD      | 1            | 0.07%  | 0.80%  | 10.38% |
| USD/JPY      | 155          | 0.23%  | -0.53% | -2.43% |
| USD/CNY      | 7            | 0.05%  | 0.72%  | 2.70%  |
| USD/GBP      | 1            | -0.05% | -1.20% | -4.39% |
| USD/KRW      | 1,470        | 0.15%  | -0.92% | -2.65% |
| USD/AUD      | 2            | -0.04% | -1.61% | -3.06% |
| USD/CAD      | 1            | -0.06% | 1.42%  | 2.50%  |

Nguồn: Bloomberg. Shinhan Securities Vietnam

## Xanh vỏ đỏ lòng

### Các chỉ số chính

|           | Đóng cửa | PE    | Tăng giảm | %1D   | KLGD (triệu đơn vị) | GTGD (tỷ VND) |
|-----------|----------|-------|-----------|-------|---------------------|---------------|
| VNI NDEX  | 1,741.32 | 16.90 | 4.08      | 0.23  | 629                 | 19,021        |
| HNX INDEX | 260.65   | 22.42 | -1.66     | -0.63 | 61                  | 1,181         |

### Biến động các nhóm ngành

### Thay đổi thanh khoản giữa các nhóm ngành (tỷ VND)

| Nhóm ngành                    | %1D  | %1M  | %YTD  | %1 YR. | PER  | PBR  | Vốn hóa (tỷ đồng) |  | Ngành                         | %1D   | 12/5/2025 | 12/4/2025 | TB 20 phiên |
|-------------------------------|------|------|-------|--------|------|------|-------------------|--|-------------------------------|-------|-----------|-----------|-------------|
| Bán lẻ                        | -0.4 | 9.5  | 31.9  | 1.3    | 35.5 | 4.5  | 171,599.5         |  | Du lịch và Giải trí           | 34.78 | 839       | 623       | 554         |
| Bảo hiểm                      | -1.3 | -2.3 | 1.4   | 1.1    | 15.7 | 1.6  | 51,873.4          |  | Xây dựng và Vật liệu          | 26.35 | 1,115     | 882       | 918         |
| Bất động sản                  | 3.8  | 25.8 | 188.4 | 185.7  | 39.8 | 3.3  | 2,039,987.9       |  | Hàng cá nhân & Gia dụng       | 20.78 | 191       | 158       | 127         |
| Công nghệ Thông tin           | -1.2 | 0.0  | -25.6 | -24.3  | 21.0 | 4.4  | 180,563.5         |  | Thực phẩm và đồ uống          | -1.5  | 1,564     | 1,588     | 1,453       |
| Dầu khí                       | -1.6 | -0.2 | 118.3 | 107.5  | 38.1 | 1.6  | 134,300.0         |  | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | -2.6  | 1,291     | 1,325     | 1,182       |
| Dịch vụ tài chính             | -4.0 | -5.5 | 23.8  | 20.4   | 22.4 | 1.8  | 244,562.5         |  | Bán lẻ                        | -6.3  | 895       | 956       | 646         |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -0.8 | 3.3  | -0.4  | -1.0   | 18.8 | 1.9  | 292,560.1         |  | Hóa chất                      | -11.3 | 447       | 504       | 515         |
| Du lịch và Giải trí           | -0.5 | 9.8  | 62.0  | 68.9   | 21.3 | 16.0 | 210,476.5         |  | Bất động sản                  | -13.6 | 3,259     | 3,773     | 3,259       |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 0.2  | 12.9 | 56.2  | 57.4   | 21.1 | 2.7  | 271,885.1         |  | Bảo hiểm                      | -14.8 | 24        | 28        | 34          |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 1.1  | 2.9  | -7.3  | -7.0   | 12.9 | 1.7  | 58,724.1          |  | Dịch vụ tài chính             | -15.2 | 3,150     | 3,716     | 2,961       |
| Hóa chất                      | -1.4 | 0.6  | -8.5  | -11.3  | 18.1 | 1.9  | 211,671.3         |  | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -20.7 | 215       | 271       | 223         |
| Ngân hàng                     | -1.4 | 3.2  | 23.1  | 24.3   | 10.9 | 1.8  | 2,592,217.7       |  | Ngân hàng                     | -27.8 | 4,633     | 6,413     | 4,386       |
| Ô tô và phụ tùng              | -1.4 | -2.2 | 17.3  | 19.2   | 21.6 | 1.4  | 17,120.4          |  | Công nghệ Thông tin           | -30.5 | 522       | 751       | 572         |
| Tài nguyên Cơ bản             | -0.9 | 1.3  | 15.3  | 14.6   | 17.5 | 1.6  | 251,336.6         |  | Dầu khí                       | -31.0 | 195       | 283       | 325         |
| Thực phẩm và đồ uống          | -0.8 | 3.8  | 6.8   | 5.6    | 19.5 | 2.7  | 451,305.6         |  | Ô tô và phụ tùng              | -34.9 | 31        | 48        | 42          |
| Truyền thông                  | -1.0 | 4.2  | -3.8  | 25.0   | 18.4 | 1.4  | 2,828.9           |  | Tài nguyên Cơ bản             | -40.0 | 688       | 1,147     | 903         |
| Xây dựng và Vật liệu          | -0.8 | 3.2  | 21.2  | 24.7   | 21.0 | 1.7  | 152,175.9         |  | Y tế                          | -60.0 | 39        | 97        | 54          |
| Y tế                          | -0.1 | 1.4  | -1.4  | 1.4    | 18.3 | 2.2  | 39,806.1          |  | Truyền thông                  | -70.3 | 11        | 36        | 13          |

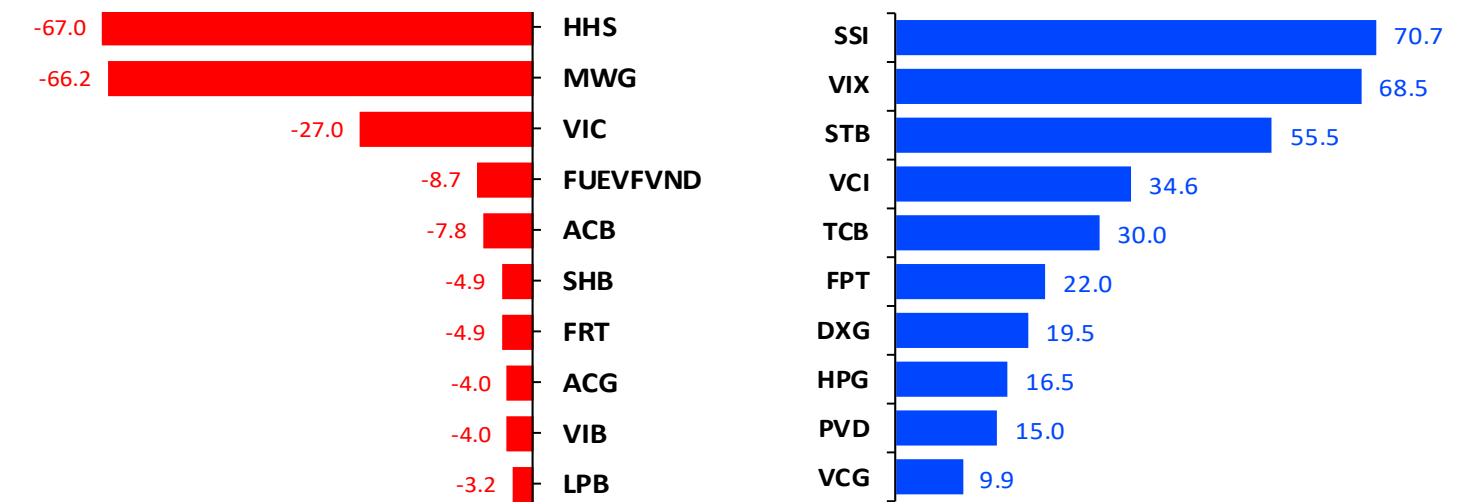
## Khối ngoại bán ròng nhẹ

### Giá trị giao dịch theo loại nhà đầu tư (tỷ VND)

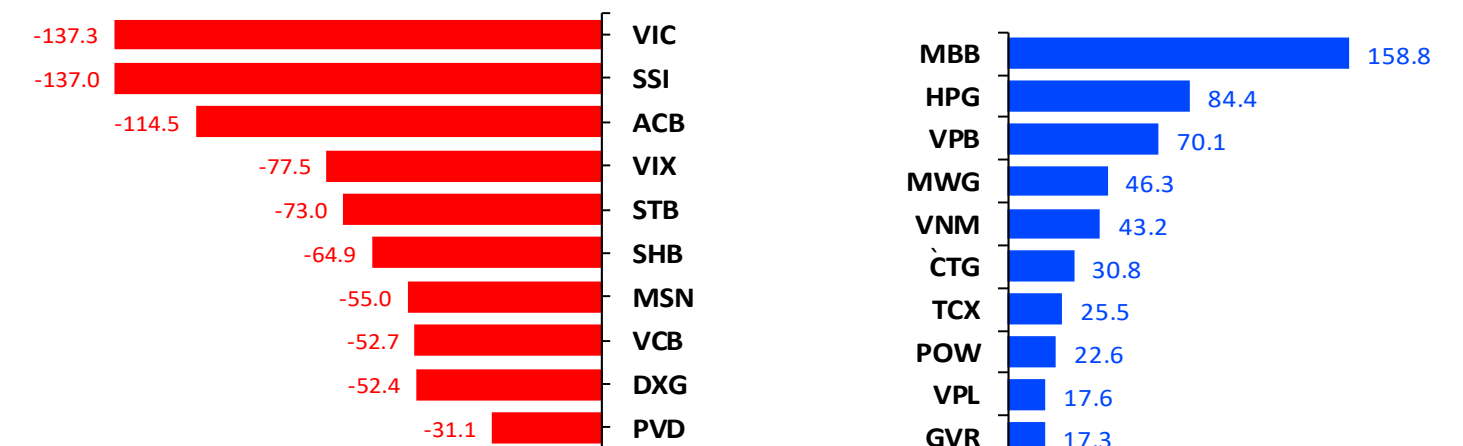
| Ngành                         | Tự doanh (tỷ VND) | Nước ngoài (tỷ VND) | Cá nhân trong nước (tỷ VND) | Tổ chức trong nước (tỷ VND) |
|-------------------------------|-------------------|---------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Bất động sản                  | (6)               | (255)               | 151                         | 103                         |
| Tài nguyên Cơ bản             | 14                | 82                  | (91)                        | 9                           |
| Truyền thông                  | -                 | (0)                 | 0                           | 0                           |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 4                 | (69)                | (1)                         | 69                          |
| Y tế                          | 2                 | 2                   | (147)                       | 145                         |
| Hóa chất                      | (1)               | (3)                 | (3)                         | 6                           |
| Dịch vụ tài chính             | 166               | (234)               | (51)                        | 286                         |
| Du lịch và Giải trí           | (3)               | (2)                 | 19                          | (17)                        |
| Ngân hàng                     | 88                | (85)                | 120                         | (36)                        |
| Xây dựng và Vật liệu          | 8                 | (32)                | 17                          | 15                          |
| Thực phẩm và đồ uống          | 6                 | (23)                | 49                          | (27)                        |
| Bán lẻ                        | (70)              | 47                  | (41)                        | (6)                         |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 2                 | 25                  | (26)                        | 1                           |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 1                 | 6                   | 30                          | (36)                        |
| Công nghệ Thông tin           | 22                | (11)                | 37                          | (26)                        |
| Ô tô và phụ tùng              | (67)              | (3)                 | 67                          | (65)                        |
| Bảo hiểm                      | -                 | (11)                | 7                           | 4                           |
| Dầu khí                       | 15                | (42)                | 8                           | 34                          |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>180</b>        | <b>(607)</b>        | <b>148</b>                  | <b>459</b>                  |

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, Dữ liệu được lấy trong phiên T-1

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)





## PVOIL lập công ty kinh doanh nhiên liệu hàng không

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL, UPCoM: OIL) vừa thông qua kế hoạch lập doanh nghiệp mới để bước vào thị trường nhiên liệu bay. Doanh nghiệp xăng dầu lớn thứ 2 thị trường muốn hiện diện tại Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Long Thành, Phú Quốc, Đà Nẵng và Cam Ranh. PVOIL đã làm việc với nhiều đơn vị có kho tại sân bay để tìm khả năng thuê lại. Khi việc đào tạo nhân sự và đầu tư hạ tầng hoàn tất, Công ty sẽ nộp hồ sơ xin phép lên Cục Hàng không. Một lợi thế lớn của PVOIL là hệ thống kho dầu nguồn trải suốt cả nước. Ngoài Petrolimex, không nhiều đơn vị khác có mạng lưới kho đủ mạnh để cấp Jet A1. PVOIL có kho ở miền Đông phục vụ Tân Sơn Nhất và Long Thành; kho miền Trung kết nối bằng đường ống từ Dung Quất; kho tại Huế và Đà Nẵng để phục vụ sân bay Đà Nẵng; kho Cam Ranh đặt cách sân bay khoảng 15km. Phía Bắc, hệ thống kho tại Hải Phòng đáp ứng hoàn toàn nhu cầu cấp nhiên liệu bay. Nhờ đó, họ không phải phụ thuộc thuê kho như nhiều đối thủ.

## Vietjet đón 22 tàu bay mới trong dịp Noel, tiếp tục bứt phá với đội tàu hàng đầu khu vực

Vietjet sẽ tiếp nhận tới 22 tàu bay mới, bằng số tàu bay của 1 hãng hàng không, một đợt tăng cường đội tàu bay lớn nhất từ trước đến nay. Đây không chỉ là bước tiến về quy mô mà còn là minh chứng cho tầm nhìn chiến lược và khát vọng vươn tầm toàn cầu của hãng, sẵn sàng phục vụ nhu cầu đi lại tăng cao dịp Tết 2026 và mở rộng mạng bay quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu khan hiếm tàu bay, chuỗi cung ứng gián đoạn và nhiều hãng hàng không phải “đợi dài hơi” để nhận máy bay mới, việc Vietjet có thể liên tục nhận 22 tàu bay hiện đại trong chưa đầy 1 tháng **khẳng định mạnh mẽ uy tín, năng lực tài chính vững vàng và vị thế của Vietjet trên thị trường quốc tế.**

## VPX chính thức giao dịch trên HOSE từ 11/12, vốn hóa chào sàn hơn 2 tỷ USD

Gần 1.9 tỷ cp CTCP Chứng khoán VPBank (VPBankS) sẽ giao dịch trên HOSE từ ngày 11/12 với mã VPX, giá tham chiếu 33,900 đồng/cp, đưa công ty chứng khoán này trở thành doanh nghiệp tỷ USD ngay khi lên sàn. Đây là thương vụ IPO có giá trị lớn nhất lịch sử ngành chứng khoán trong nước. Sau đợt tăng vốn này, VPBankS vượt VIX và VNDIRECT, vươn lên vị trí thứ 3 toàn ngành về vốn điều lệ, chỉ sau TCBS và SSI. Theo công bố thông tin, công ty hiện có 8,351 cổ đông. Ngân hàng VPBank là cổ đông lớn duy nhất với tỷ lệ sở hữu 79.96%, tương ứng gần 1.5 tỷ cp. VPBankS tiền thân là Chứng khoán Châu Á, sau đổi tên thành ASC, với vốn điều lệ ban đầu 36 tỷ đồng khi thành lập năm 2009. Tháng 1/2022, VPBank mua lại ASC, tiến hành đổi tên và liên tục tăng vốn mạnh mẽ, đưa quy mô doanh nghiệp lên nhóm hàng đầu thị trường.

## Xu hướng: Test cận trên của biên sideways 1,600–1,700

VNINDEX đóng cửa ở mức 1,741.32 (+4.08 điểm, +0.23%) với thanh khoản đi ngang trung bình 20 phiên gần nhất. Thị trường có 101 mã tăng và 211 mã giảm. Nhóm cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào đà tăng của chỉ số là VIC, VHM và VPL; nhóm cổ phiếu cản trở thị trường là TCB, LPB và MBB. Khối ngoại bán ròng với giá trị 605 tỷ đồng.

### Kỹ thuật:

VN-Index đóng cửa tuần tại 1,741 điểm (+50.33 điểm; +2.98%) với thanh khoản thấp. Thị trường có dấu hiệu lan tỏa dòng tiền qua các nhóm ngành tốt hơn và khối ngoại đã có tuần mua ròng khoảng 1,000 tỷ đồng. Nhóm bất động sản (chủ yếu VIC) vẫn giữ nhịp tăng, nhưng điểm nhấn mới ở nhóm bán lẻ và ngân hàng. Thị trường nếu loại bỏ nhóm VIC thì vẫn chủ yếu đang giao dịch trong biên độ và chưa chuyển qua pha tăng.

**Ở trường hợp cơ sở:** Thị trường đã phục hồi tích cực và vượt lên trên 1,700 (tạm thời thoát khỏi sideways 1,600–1,700 điểm) với thanh khoản cải thiện, độ rộng thị trường tốt lên cùng sự quay lại của khối ngoại. Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ gặp lực cản nhất định khi quay lại đỉnh cũ và giằng co quanh 1,750–1,7800 trước khi dòng tiền cải thiện sau khi Đại hội Đảng đầu 2026 kết thúc. Với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2 chữ số cho 2026 và tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường hơn 18%, chúng tôi kỳ vọng VN-Index có thể tiến tới vùng 1,900–2000 cho năm 2026.

**Ở trường hợp tiêu cực:** Đà giảm tiếp tục gia tăng với khối lượng giao dịch lớn dần theo chiều giảm, không xuất hiện lực bắt đáy quanh ngưỡng 1,550 – 1,580 điểm. Thị trường khi đó có thể tiếp tục hướng tới vùng hỗ trợ 1,500 và các vùng giá thấp hơn để kiểm định.

**Chiến lược:** Nhà đầu tư theo trường phái trading có thể quan sát phản ứng thị trường quanh vùng 1,650 – 1,700, nếu những phiên điều chỉnh không làm chỉ số rời khỏi kênh sideways thì đây có thể là cơ hội tốt để nhà đầu tư theo trường phái này giải ngân trở lại. Nhà đầu tư theo trường phái đầu tư trung và dài hạn có thể bắt đầu giải ngân từng phần tại các nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt và chiết khấu đủ hấp dẫn như nhóm ngành ngân hàng, tài chính, vật liệu xây dựng...



### Kịch bản:

- Tích cực: Thị trường quay lại vùng 1,750–1800 điểm
- Cơ sở: Thị trường tiếp tục giao dịch trong vùng 1,600 – 1,700
- Kém tích cực: Thị trường tiếp tục giảm sâu hơn 1,500 điểm

05/12/2025 3:00 PM

23.4

## Khuyến nghị mua/bán mới trong ngày

|     | Khuyến nghị | Vùng mua/bán | Target | Cut loss | Upside | Downside | Giá hiện tại | Tín hiệu                                                                 | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------|--------|----------|--------|----------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|---------|
| PET | Mua         | 35.3         | 37.85  | 34.2     | 7%     | -3%      | 35.3         | Đà tăng và giá tăng đáng kể, test lại thành công ngưỡng kháng cự cũ 34.8 |         |

## Danh mục đang nắm giữ ngắn hạn

| Cổ phiếu | Khuyến nghị | Giá mua | Giá mục tiêu | Stop loss | Upside | Downside | Giá hiện tại/Giá đóng lệnh | T+ | Lãi/Lỗ | Ngày       | Ghi chú |
|----------|-------------|---------|--------------|-----------|--------|----------|----------------------------|----|--------|------------|---------|
| NT2      | Giữ         | 23.4    | 25.8         | 22.9      | 10%    | -2%      | 23.9                       | 16 | 1.9%   | 11/13/2025 |         |
| DBC      | Giữ         | 27.5    | 29.69        | 26.4      | 8%     | -4%      | 28.0                       | 3  | 1.6%   | 12/2/2025  |         |

Lưu ý: Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành. Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư. Xin vui lòng xem thêm chi tiết phần Thông báo tuân thủ và Miễn trừ trách nhiệm ở cuối báo cáo này.

## Danh sách theo dõi

| STT | Cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Vùng mua tiềm năng | Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại) | Ghi chú                                                                                                                       |
|-----|----------|--------------|--------------|--------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | PNJ      | 91.6         | 97           | 89                 | 5.9%                                     | PNJ có xu hướng cải thiện tốt trên MA 50. Giai đoạn cuối năm và giá vàng đang tăng cũng hỗ trợ cho dòng tiền tham gia PNJ     |
| 2   | KDH      | 33.95        | 38.9         | 33.3               | 14.6%                                    | KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong Q3 2025. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ có động lượng mạnh hơn thị trường chung                    |
| 3   | CTG      | 51.5         | 57           | 51                 | 10.7%                                    | Dòng tiền có dấu hiệu chú ý và neo giữ ở CTG tốt hơn trung bình ngành ngân hàng.                                              |
| 4   | FPT      | 96.2         | 112          | 96                 | 16.4%                                    | Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm                                     |
| 5   | SIP      | 55.2         | 66.7         | 58                 | 20.8%                                    | Dòng tiền đổ vào KCN, và có sức mạnh động lượng tốt hơn thị trường chung                                                      |
| 6   | GAS      | 64           | 70           | 62                 | 9.4%                                     | Dòng tiền tham gia mạnh mẽ với giá cải thiện đáng kể trên MA 50. GAS hưởng lợi mạnh mẽ từ khối lượng công việc lớn từ khí LNG |



# Danh mục cổ phiếu trading



Đvt: nghìn đồng

| Lịch sử khuyến nghị |         |              |            |        |          |               |    |                  |                  |                |                   |
|---------------------|---------|--------------|------------|--------|----------|---------------|----|------------------|------------------|----------------|-------------------|
| Cổ phiếu            | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Upside | Downside | Giá đóng lệnh | T+ | Lãi/Lỗ thực hiện | Ngày khuyến nghị | Ngày đóng lệnh | Biến động VNINDEX |
| REE                 | 64.5    | 68.9         | 64.5       | 7%     | 0%       | 68.9          | 6  | 6.82%            | 4/16/2025        | 4/24/2025      | 1.1%              |
| VCI                 | 37.05   | 39.9         | 35.4       | 8%     | -4%      | 36.9          | 14 | -0.54%           | 4/18/2025        | 5/8/2025       | 3.0%              |
| IMP                 | 44.4    | 49.9         | 44.4       | 12%    | 0%       | 49.9          | 2  | 12.39%           | 5/8/2025         | 5/12/2025      | 1.1%              |
| VCI                 | 36.8    | 39.6         | 35.8       | 8%     | -3%      | 37.3          | 3  | 1.36%            | 5/14/2025        | 5/19/2025      | -1.0%             |
| HDB                 | 21.1    | 22.6         | 21.1       | 7%     | 0%       | 22.6          | 17 | 7.11%            | 4/28/2025        | 5/21/2025      | 7.8%              |
| PDR                 | 16.8    | 18.15        | 16.11      | 8%     | -4%      | 16.1          | 6  | -4.11%           | 5/15/2025        | 5/25/2025      | 0.1%              |
| CTI                 | 20.05   | 21.6         | 20.05      | 8%     | 0%       | 20.1          | 13 | 0.00%            | 5/7/2025         | 5/26/2025      | 6.6%              |
| MWG                 | 64.5    | 69           | 62         | 7%     | -4%      | 62.0          | 4  | -3.88%           | 5/27/2025        | 6/2/2025       | -0.3%             |
| HDB                 | 22.25   | 23.85        | 21.6       | 7%     | -3%      | 21.6          | 2  | -2.92%           | 5/29/2025        | 6/2/2025       | -0.4%             |
| KDH                 | 29.45   | 32.56        | 29.45      | 11%    | 0%       | 29.5          | 9  | 0.00%            | 5/29/2025        | 6/11/2025      | -1.6%             |
| MBB                 | 24.65   | 25.9         | 24         | 5%     | -3%      | 24.7          | 7  | 0.20%            | 6/3/2025         | 6/12/2025      | -1.1%             |
| BVH                 | 50.6    | 54.5         | 50.6       | 8%     | 0%       | 54.9          | 23 | 8.50%            | 6/3/2025         | 7/4/2025       | 3.0%              |
| HPG                 | 21.9    | 23.9         | 21         | 9%     | -4%      | 23.3          | 18 | 6.16%            | 6/10/2025        | 7/4/2025       | 5.4%              |
| HDB                 | 21.6    | 23.3         | 21.6       | 8%     | 0%       | 23.3          | 16 | 7.87%            | 6/13/2025        | 7/7/2025       | 6.6%              |
| MWG                 | 64.5    | 70.7         | 64.5       | 10%    | 0%       | 70.7          | 9  | 9.61%            | 7/2/2025         | 7/15/2025      | 5.5%              |
| HAH                 | 69.8    | 77.5         | 66.4       | 11%    | -5%      | 67.9          | 5  | -2.72%           | 7/9/2025         | 7/16/2025      | 2.5%              |
| HDG                 | 25.8    | 28.9         | 26.4       | 12%    | 2%       | 28.9          | 2  | 12.02%           | 7/16/2025        | 7/18/2025      | 1.5%              |
| NLG                 | 38.9    | 42.9         | 38.9       | 10%    | 0%       | 42.9          | 10 | 10.28%           | 7/4/2025         | 7/18/2025      | 7.9%              |
| BMP                 | 138.1   | 151.8        | 137.8      | 10%    | 0%       | 143.3         | 25 | 3.77%            | 6/25/2025        | 7/30/2025      | 9.2%              |
| PDR                 | 20.3    | 23           | 19.6       | 13%    | -3%      | 20.7          | 5  | 1.72%            | 7/23/2025        | 7/30/2025      | -1.3%             |
| MSN                 | 77.7    | 84.1         | 74.9       | 8%     | -4%      | 74.9          | 4  | -3.60%           | 7/23/2025        | 7/29/2025      | -1.2%             |
| NT2                 | 20      | 21.9         | 19.5       | 10%    | -3%      | 22.8          | 4  | 14.00%           | 7/31/2025        | 8/6/2025       | 3.0%              |
| HDG                 | 27.5    | 30           | 26.3       | 9%     | -4%      | 30.8          | 3  | 12.00%           | 8/8/2025         | 8/13/2025      | 1.7%              |
| PNJ                 | 86.4    | 95.4         | 83         | 10%    | -4%      | 85.6          | 15 | -0.93%           | 8/8/2025         | 8/29/2025      | 6.0%              |
| HPG                 | 26.8    | 29.9         | 26.8       | 12%    | 0%       | 29.9          | 7  | 11.57%           | 8/27/2025        | 9/5/2025       | -0.3%             |
| BSI                 | 52.4    | 58.8         | 51.3       | 12%    | -2%      | 51.3          | 8  | -2.10%           | 8/27/2025        | 9/8/2025       | -2.9%             |
| VCB                 | 65.5    | 70.4         | 64         | 7%     | -2%      | 64.0          | 3  | -2.29%           | 9/15/2025        | 9/18/2025      | -1.2%             |
| IDC                 | 43      | 48.5         | 41.5       | 13%    | -3%      | 41.5          | 4  | -3.49%           | 9/15/2025        | 9/19/2025      | -1.6%             |
| HPG                 | 28.8    | 30.9         | 27.6       | 7.3%   | -4.2%    | 27.6          | 6  | -4.17%           | 9/25/2025        | 10/5/2025      | -1.2%             |
| MWG                 | 76.3    | 82.8         | 76.3       | 8.5%   | 0.0%     | 83.9          | 15 | 10.0%            | 9/23/2025        | 10/14/2025     | 7.7%              |
| VCB                 | 63.7    | 69.9         | 61.1       | 9.7%   | -4.1%    | 63.1          | 4  | -0.94%           | 10/8/2025        | 10/14/2025     | 3.7%              |
| CTD                 | 87.1    | 99.9         | 84.9       | 15%    | -3%      | 100.0         | 2  | 14.81%           | 10/28/2025       | 10/30/2025     | -0.7%             |
| MWG                 | 81.1    | 88           | 78.3       | 9%     | -3%      | 78.3          | 2  | -3.45%           | 11/5/2025        | 11/7/2025      | -3.4%             |
| KDH                 | 35.1    | 37.9         | 33.65      | 8%     | -4%      | 33.7          | 2  | -4.13%           | 11/5/2025        | 11/7/2025      | -3.4%             |
| TV2                 | 35.7    | 41.2         | 35.7       | 15%    | 0%       | 35.7          | 12 | 0.00%            | 11/13/2025       | 12/1/2025      | 5.2%              |
| Hiệu quả trung bình |         |              |            |        |          |               | 10 | 3.17%            |                  |                | 1.92%             |

December 2025

| SUNDAY | MONDAY                                                                                                                    | TUESDAY                                                                                                                                                                                            | WEDNESDAY                                                                                           | THURSDAY                                                                                                                    | FRIDAY                                                                                                                                                                                                        | SATURDAY                                                                                              |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 30     | 1 <ul style="list-style-type: none"><li>_ Chỉ số PMI sản xuất ISM của Mỹ tháng 11</li><li>_ Chỉ số PMI Việt Nam</li></ul> | 2                                                                                                                                                                                                  | 3 <ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ số PMI dịch vụ ISM của Mỹ tháng 11</li></ul>            | 4                                                                                                                           | 5 <ul style="list-style-type: none"><li>_ Bảng lương phi nông nghiệp của Mỹ tháng 11</li><li>_ Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ tháng 11</li><li>_ Chỉ số niềm tin tiêu dùng Michigan sơ bộ của Mỹ tháng 12</li></ul> | 6 <ul style="list-style-type: none"><li>Công bố số liệu kinh tế vĩ mô hàng tháng (Việt Nam)</li></ul> |
| 7      | 8                                                                                                                         | 9 <ul style="list-style-type: none"><li>Cơ hội việc làm Mỹ tháng 9 và 10</li></ul>                                                                                                                 | 10                                                                                                  | 11 <ul style="list-style-type: none"><li>_ Dự báo kinh tế FOMC</li><li>_ Quyết định lãi suất của Fed</li></ul>              | 12                                                                                                                                                                                                            | 13                                                                                                    |
| 14     | 15                                                                                                                        | 16 <ul style="list-style-type: none"><li>_ Báo cáo việc làm Mỹ – Tháng 10 &amp; 11</li><li>_ Mỹ: Giấy phép Xây dựng – Sơ bộ (Tháng 9, 10, 11)</li><li>_ Mỹ: Tỷ lệ Thất nghiệp (Tháng 11)</li></ul> | 17 <ul style="list-style-type: none"><li>Mỹ: Doanh số Bán lẻ MoM (Tháng 11 và 10)</li></ul>         | 18 <ul style="list-style-type: none"><li>_ Lạm phát Mỹ (CPI) – Tháng 11</li><li>_ Đáo hạn HDTL tháng 12 (VN30F1M)</li></ul> | 19 <ul style="list-style-type: none"><li>Doanh số bán nhà hiện có của Mỹ (Existing Home Sales)</li></ul>                                                                                                      | 20                                                                                                    |
| 21     | 22                                                                                                                        | 23 <ul style="list-style-type: none"><li>_ Mỹ: Tăng trưởng GDP QoQ – Ước tính lần 2 (Q3)</li><li>_ Niềm tin người tiêu dùng Mỹ – Tháng 12</li></ul>                                                | 24 <ul style="list-style-type: none"><li>Mỹ: Đơn đặt hàng Hàng hóa Lâu bền MoM (Tháng 11)</li></ul> | 25                                                                                                                          | 26                                                                                                                                                                                                            | 27                                                                                                    |
| 28     | 29                                                                                                                        | 30                                                                                                                                                                                                 | 31 <ul style="list-style-type: none"><li>Biên bản họp FOMC (FOMC Meeting Minutes)</li></ul>         | 1                                                                                                                           | 2                                                                                                                                                                                                             | 3                                                                                                     |

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70. Youido-dong. Yongdungpo-gu.  
Seoul. Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700. 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc,  
1325 Avenue of the Americas Suite 702.  
New York. NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd,  
Unit 7705 A. Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon. Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor. IFC 2. Jl, Jend, Sudirman Kav,  
22-23. Jakarta. Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp,  
Shanghai Representative Office  
Room 104. Huaneng Union Mansion No,958.  
Luijiazui Ring Road. PuDong. Shanghai. China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,  
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.  
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,  
Hanoi Branch  
2nd Floor. Leadvisors Building. No, 41A Ly Thai To.  
Ly Thai To Ward. Hoan Kiem District.  
Hanoi. Vietnam,  
Tel : (84-8) 6299-8000



## Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.